PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2013/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2013*

THÔNG TƯ
Quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các điều kiện ngừng, giảm mức cung cấp điện; trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hoạt động điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
2. Tổng công ty Điện lực.
3. Công ty Điện lực (thuộc Tổng công ty Điện lực).
4. Đơn vị phân phối và bán lẻ điện.
5. Khách hàng sử dụng điện.
6. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bên bán điện* là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện, bao gồm:

a) Tổng công ty Điện lực;

b) Công ty Điện lực (thuộc Tổng công ty Điện lực);

c) Đơn vị phân phối và bán lẻ điện.

2. *Bên mua điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng hoặc để bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện, bao gồm:

a) Đơn vị phân phối và bán lẻ điện;

b) Khách hàng sử dụng điện.

3. Đơn vị phân phối và bán lẻ điện là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện để bán điện cho khách hàng sử dụng điện.

4. *Giảm mức cung cấp điện* là việc giảm cung cấp công suất, sản lượng điện so với mức công suất, sản lượng đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện đã ký.

5. *Khách hàng sử dụng điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng, không bán lại cho tổ chức, cá nhân khác.

6. *Khách hàng sử dụng điện quan trọng* là khách hàng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện, được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định căn cứ vào tầm quan trọng về chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng.

7. *Sự kiện bất khả kháng* là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà bên bán điện không thể kiểm soát được, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 4. Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Mọi trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo trước cho bên mua điện, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Điện lực (hành vi trộm cắp điện dưới mọi hình thức) và Điều 6 Thông tư này.

2. Nội dung thông báo ngừng cấp điện hoặc giảm mức cung cấp điện bao gồm:

a) Địa điểm ngừng cấp điện hoặc giảm mức cung cấp điện;

b) Lý do ngừng cấp điện hoặc giảm mức cung cấp điện;

c) Thời gian bắt đầu ngừng cấp điện hoặc giảm mức cung cấp điện;

d) Thời gian dự kiến đóng điện trở lại hoặc bảo đảm mức cung cấp điện bình thường.

3. Thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện được thực hiện bằng một trong các hình thức: văn bản, điện báo, điện thoại, fax, tin nhắn (SMS), thư điện tử (Email), các phương tiện thông tin đại chúng do hai bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng mua bán điện.

4. Người của bên bán điện ký thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện phải là một trong những người sau:

a) Người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Người được ủy quyền ký thông báo ngừng, giảm cung cấp điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

Chương II
CÁC ĐIỀU KIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 5. Ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp

Bên bán điện ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp trong các trường hợp sau:

1. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch của bên bán điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện, điều hòa, hạn chế phụ tải do thiếu điện và các nhu cầu khác theo kế hoạch.

2. Ngừng cấp điện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan trong trường hợp để đảm bảo an toàn phục vụ thi công các công trình.

3. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo yêu cầu của bên mua điện.

Điều 6. Ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp

Bên bán điện ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp trong các trường hợp sau:

1. Do có sự cố xảy ra trên lưới điện cấp điện cho bên mua điện; sự cố trong hệ thống điện gây mất điện mà bên bán điện không kiểm soát được.

2. Có nguy cơ gây sự cố, mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện.

3. Do hệ thống điện thiếu công suất dẫn đến đe dọa sự an toàn của hệ thống điện.

4. Do sự kiện bất khả kháng.

Điều 7. Ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật

Bên bán điện được ngừng cấp điện trong các trường hợp sau:

1. Bên mua điện có hành vi vi phạm quy định tại:

a) Các Khoản 1, 4, 5, 6, 7 và Khoản 8 Điều 7 Luật Điện lực (Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện);

b) Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 46; Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 47 Luật Điện lực.

2. Bên mua điện không thực hiện thanh toán tiền điện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

3. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực, Luật Xây dựng, pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Bên mua điện không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, không duy trì biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

Chương III
TRÌNH TỰ NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 8. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp

1. Trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp, bên bán điện phải thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày, cụ thể như sau:

a) Gửi thông báo bằng văn bản hoặc thông báo bằng hình thức khác đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện cho khách hàng sử dụng điện trung bình trên 100.000kWh/tháng và khách hàng sử dụng điện quan trọng biết;

b) Thông báo trong 03 ngày liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng điện còn lại.

2. Sau khi thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện có trách nhiệm tiến hành ngừng, giảm mức cung cấp điện theo đúng nội dung đã thông báo.

Trường hợp không thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện theo nội dung đã thông báo, bên bán điện có trách nhiệm thông báo lại cho bên mua điện trước thời điểm ngừng, giảm cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ.

3. Trường hợp bên mua điện có đề nghị thay đổi thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện đã được thông báo thì phải trao đổi với bên bán điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện ít nhất 48 giờ. Bên bán điện có trách nhiệm xem xét, giải quyết hợp lý đề nghị của bên mua điện, cụ thể như sau:

a) Trường hợp không thể thay đổi việc ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện vẫn được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo kế hoạch nhưng phải thông báo lại cho bên mua điện và nêu rõ lý do trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ;

b) Trường hợp chấp nhận thay đổi thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải thông báo trước cho bên mua điện trước thời điểm ngừng, giảm mức cung cấp điện đã thông báo ít nhất 24 giờ.

4. Sau khi tiến hành ngừng, giảm mức cung cấp điện, bên bán điện phải ghi đầy đủ thời gian, nội dung, trình tự thao tác ngừng, giảm mức cung cấp điện vào sổ nhật ký công tác hoặc nhật ký vận hành.

5. Bên bán điện phải cấp điện trở lại theo đúng thời hạn đã thông báo. Trường hợp thời gian cấp điện trở lại bị chậm so với thời gian đã thông báo từ 01 giờ trở lên, bên bán điện phải thông báo cho khách hàng sử dụng điện trung bình trên 100.000kWh/tháng và khách hàng sử dụng điện quan trọng biết thời gian cấp điện trở lại bằng điện thoại hoặc hình thức thông báo khác do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

6. Việc ngừng hoặc cấp điện trở lại đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 5 Thông tư này chỉ tiến hành sau khi bên yêu cầu ngừng cấp điện đã thanh toán đủ cho bên bán điện các chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

Điều 9. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp

Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này, bên bán điện có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp, sau đó thực hiện các công việc sau:

1. Xác định nguyên nhân, phạm vi ảnh hưởng, thời gian dự kiến cấp điện trở lại.

2. Thông báo cho bên mua điện biết theo hình thức thông báo đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp.

3. Bên bán điện phải ghi đầy đủ thời gian, nguyên nhân, trình tự thao tác ngừng, giảm mức cung cấp điện vào sổ nhật ký công tác hoặc nhật ký vận hành.

4. Trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện do hệ thống điện thiếu công suất dẫn đến đe dọa sự an toàn của hệ thống điện, bên bán điện phải đảm bảo thực hiện cắt, giảm đúng lượng công suất phụ tải được tính toán và phân bổ theo quy định về việc lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện.

5. Phối hợp với các bên có liên quan khẩn trương khắc phục các nguyên nhân dẫn đến ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp để cấp điện trở lại trong thời gian nhanh nhất.

Điều 10. Trình tự ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật

1. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư này

a) Trường hợp bên mua điện thực hiện hành vi quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Điện lực (hành vi trộm cắp điện), bên bán điện được ngừng cấp điện ngay sau khi Biên bản vi phạm hành chính được lập theo quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sau đây viết tắt là Nghị định số 134/2013/NĐ-CP);

b) Trường hợp bên mua điện thực hiện hành vi quy định tại các Khoản 1, 4, 5, 7 và Khoản 8 Điều 7 Luật Điện lực, nếu mức độ vi phạm chưa tới mức phải ngừng cấp điện khẩn cấp thì sau khi Biên bản vi phạm hành chính được lập theo quy định tại Nghị định số 134/2013/NĐ-CP, bên bán điện có trách nhiệm gửi thông báo ngừng cấp điện cho bên mua điện trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ. Nếu quá thời hạn này mà bên mua điện không chấm dứt hành vi vi phạm và không tiến hành khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra theo yêu cầu của bên bán điện thì bên bán điện có quyền ngừng cấp điện theo nội dung đã thông báo;

c) Trường hợp bên mua điện vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Thông tư này, bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện và phải thông báo cho bên mua điện trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ.

2. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư này

a) Trường hợp không có thỏa thuận lùi ngày thanh toán tiền điện và bên mua điện đã được bên bán điện thông báo về việc thanh toán tiền điện 02 (hai) lần thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện;

b) Trường hợp bên mua điện có đề nghị thỏa thuận và được bên bán điện đồng ý lùi ngày thanh toán tiền điện, nếu quá thời hạn thỏa thuận lùi ngày thanh toán tiền điện mà bên mua điện vẫn chưa thanh toán đủ các khoản tiền còn nợ, bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện;

c) Khi thực hiện ngừng cấp điện, bên bán điện phải thông báo cho bên mua điện trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ và không phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra.

3. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư này

Bên bán điện phải thông báo ngừng cấp điện cho bên mua trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ và nêu rõ lý do ngừng cấp điện. Sau khi ngừng cấp điện, bên bán điện phải thông báo bằng văn bản về việc ngừng cấp điện cho cơ quan nhà nước có yêu cầu ngừng cấp điện.

4. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư này

Bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện và phải thông báo cho bên mua điện trước thời điểm ngừng cấp điện ít nhất 24 giờ.

5. Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau:

a) Bên mua điện đã thực hiện đầy đủ quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã chấm dứt hành vi vi phạm, đã tiến hành khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra và đã thanh toán đầy đủ chi phí ngừng và cấp điện trở lại cho bên bán điện đối với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Thanh toán đầy đủ tiền nợ hoặc đã thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện và chi phí ngừng và cấp điện trở lại cho bên bán điện đối với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 và Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Có yêu cầu cấp điện trở lại bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền và bên mua điện đã thanh toán đầy đủ chi phí ngừng và cấp điện trở lại cho bên bán điện đối với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Bên mua điện đã thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc duy trì biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng và đã thanh toán đầy đủ chi phí ngừng và cấp điện trở lại cho bên bán điện đối với trường hợp ngừng cấp điện theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

Chương IV
BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 11. Báo cáo định kỳ hàng tháng

1. Trước ngày 15 hàng tháng, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Đơn vị phân phối và bán lẻ điện được Cục Điều tiết điện lực cấp giấy phép hoạt động điện lực có tổng quy mô công suất lắp đặt của các trạm biến áp từ 03MVA trở lên có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Công Thương tại địa phương kết quả thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện tháng trước liền kề trong phạm vi quản lý. Báo cáo phải bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp về tổng số lần ngừng, giảm mức cung cấp điện; tổng thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện; ước tính tổng công suất, điện năng phụ tải điện và tổng số khách hàng bị ngừng, giảm cung cấp của toàn đơn vị theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này;

b) Báo cáo chi tiết đối với từng trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện, gồm các nội dung về tên trạm biến áp hoặc đường dây bị mất điện; thời gian ngừng, giảm mức cung cấp điện; nguyên nhân ngừng, giảm mức cung cấp điện; số lượng khách hàng bị ảnh hưởng theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này. Báo cáo chi tiết được gửi bằng văn bản hoặc thư điện tử (Email).

2. Trước ngày 15 hàng tháng, các Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm báo cáo Cục Điều tiết điện lực về việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện tháng trước liền kề trong phạm vi quản lý. Báo cáo bao gồm các nội dung quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Báo cáo đột xuất

1. Khi xảy ra sự cố nghiêm trọng dẫn đến phải thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp trên diện rộng trong hệ thống điện quốc gia, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương, Cục Điều tiết điện lực bằng thư điện tử (Email) hoặc fax ngay sau khi xảy ra sự cố và bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

2. Khi phải thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp trong trường hợp sự cố lưới điện truyền tải từ 220kV trở lên hoặc sự cố các trạm biến áp 110kV có vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho một khu vực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực tỉnh có trách nhiệm báo cáo Cục Điều tiết điện lực và Sở Công Thương các tỉnh bị ngừng, giảm cung cấp điện bằng thư điện tử (Email) hoặc fax ngay sau khi xảy ra sự cố và bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

3. Bên bán điện có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có yêu cầu của Cục Điều tiết điện lực hoặc Sở Công Thương tại địa phương.

4. Báo cáo đột xuất phải bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 13. Giám sát thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Hàng năm, căn cứ vào tầm quan trọng về chính trị, xã hội, an ninh và quốc phòng, Sở Công Thương chủ trì và phối hợp với Công ty Điện lực tại địa phương để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện;

b) Giám sát việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện của Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực, Đơn vị phân phối và bán lẻ điện tại địa phương theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm giám sát chung việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện của các đơn vị điện lực theo quy định tại Thông tư này.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, nội dung mới phát sinh, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo Cục Điều tiết điện lực để nghiên cứu, đề xuất, trình Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư cho phù hợp.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2013. Quyết định số 39/2005/QĐ-BCN ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quy định về điều kiện, trình tự và thủ tục ngừng, giảm mức cung cấp điện hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Năng lượng, Vụ trưởng các Vụ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Dương Quang

Phụ lục I

BIỂU MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP THỰC HIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN HÀNG THÁNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Số thứ tự	**Các trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện**	**Tổng số lần bị ngừng, giảm mức cung cấp điện** (Lần)	**Tổng điện năng bị ngừng, giảm mức cung cấp điện** (Triệu kWh)	**Tổng công suất bị ngừng, giảm mức cung cấp điện** (MW)	**Tổng thời gian bị ngừng, giảm mức cung cấp điện** (Giờ)	**Tổng số lượng khách hàng bị ảnh hưởng**	**Ghi chú**
1	Không khẩn cấp						
2	Khẩn cấp						
3	Vi phạm quy định của pháp luật						

Phụ lục II

BIỂU MẪU BÁO CÁO CHI TIẾT THỰC HIỆN NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN HÀNG THÁNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Số thứ tự	Tên đường dây/ Trạm biến áp bị ngừng, giảm mức cung cấp điện	Phạm vi/ Địa điểm	Nguyên nhân	Thời gian bắt đầu ngừng, giảm mức cung cấp điện		Thời gian cấp điện trở lại		Tổng thời gian bị ngừng, giảm mức cung cấp điện	Số lượng khách hàng bị ảnh hưởng	Ghi chú
				Ngày	*Giờ*	*Ngày*	*Giờ*			
I	***Ngừng, giảm mức cung cấp điện không khẩn cấp***									
1										
2										
3										
…										
II	***Ngừng, giảm mức cung cấp điện khẩn cấp***									
1										
2										
3										
…										
III	***Ngừng mức cung cấp điện do vi phạm quy định của pháp luật***									
1	Khách hàng A								*Nếu có*	
2										
3										
…										